

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Cương và ông Lệnh Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy D, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh H. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Chu Minh C, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn T, huyện Q, tỉnh H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thúy D trình bày: Chị và anh Chu Minh C quen nhau từ đầu năm 2019, sau thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý nên chị D và anh C quyết định tiến tới hôn nhân và về chung sống từ tháng 5 năm 2019. Hai bên gia đình chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương do thời gian đó đang bùng phát dịch Vovid. Ngày 06/11/2020 chị D và anh C đã đến Ủy ban nhân dân xã Phương Thiện, thành phố Hà Giang, tỉnh H đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh C về sống chung với gia đình nhà chị tại Đội 2, thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh H, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2021, anh C có đi làm thuê, do tính chất công việc nên hay đi sớm về muộn nên chị có góp ý nhiều lần thì anh C đánh chị 02 đến 03 lần. Tháng

4 năm 2021 anh C bỏ đi làm thuê nơi khác, không nói cho chị biết địa chỉ và chị cũng không liên lạc được. Đến ngày sinh nhật con anh C có về thăm con rồi lại bỏ đi. Hiện nay chị không thể chủ động liên lạc với anh C, chị có biết anh C thường có mặt tại gia đình bố mẹ để có địa chỉ tại tổ 4, thị trấn T, huyện Q, tỉnh H. Chị D thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Chu Minh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị D anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Chu Phương D, sinh ngày 20/9/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chu Phương D cho đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị D xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chu Minh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thúy D.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án, không có mặt tại phiên tòa ngày 24/8/2023 và phiên tòa ngày hôm nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn và gia đình; đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị D. Chị D được ly hôn với anh C;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chu Phương D, sinh ngày 20/9/2020 cho chị Nguyễn Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thúy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Chu Minh C có nơi cư trú tại tổ 4, thị trấn T, huyện Q, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định.

[2] Anh Chu Minh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xét xử vắng mặt bị đơn anh Chu Minh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy D và anh Chu Minh C tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2019, hai bên gia đình chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vì khi đó đang bùng phát dịch Covid, ngày 06/11/2020 chị D anh C đã đến Ủy ban nhân dân xã Phương Thiện, thành phố Hà Giang đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C bỏ nhà đi khiến chị D không thể chủ động liên lạc được, chỉ một vài lần anh C về thăm con trong thời gian từ đầu năm 2021 đến nay. Qua xác minh tại gia đình bố mẹ đẻ anh C được biết anh C đã bỏ đi làm thuê ở Hà Nội, vẫn thường xuyên liên lạc về nhà và anh C có nói với ông Chu Thống Tân (là bố đẻ anh C) là hiện đang đi làm thuê bận không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian ly thân đã lâu nhưng chị D và anh C không hàn gắn được tình cảm. Mặt khác, anh C không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị D là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho chị D tự quyết định. Do đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị D anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Chu Phương D, sinh ngày 20/9/2020. Hiện nay cháu Duy chưa đủ 36 tháng tuổi, anh C từ khi ly thân không quan tâm đến con, không gửi tiền để giúp chị D nuôi con nhưng chị D vẫn đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy tốt về mọi mặt. Chị D hiện nay đang ở cùng bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định, đủ khả năng về điều kiện sống và kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Duy. Do đó cần giao cháu Nguyễn Chu Phương D, sinh ngày 20/9/2020 cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Duy cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Việc chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thúy D phải chi án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thúy D.

Chị Nguyễn Thúy D được ly hôn với anh Chu Minh C.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là cháu Nguyễn Chu Phụng D, sinh ngày 20/9/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Chu Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thúy D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 51BB-21P0004543 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh H ngày 08/5/2023.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Phương Thiện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Đình Vĩ